

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /GCN-SXD

Gia Lai, ngày tháng 6 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Gia Lai; Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 20/6/2025;

CHỨNG NHẬN:

1. Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Gia Lai

Quyết định thành lập: Quyết định số 102/QĐ-SXD ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Sở Xây dựng Gia Lai, Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Tổ 04, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: 0914.413.477

Fax: - Email:

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Tổ 04, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD: **LAS-XD 21.013** (Mã đã được cấp LAS-XD 25)

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Giám định chất lượng XD Gia Lai;
- Bộ XD (b/cáo);
- Giám đốc Sở (b/cáo);
- Trang TTĐT của Sở;
- Lưu: VT, QLXDKCHT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lý Tấn Toàn

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 21.011**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây
dựng số: /GCN-SXD ngày tháng 6 năm 2025 của
Sở Xây dựng Gia Lai)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
I	CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023
2	Xác định độ nở Sunfat	TCVN 6068:2020
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian bắt đầu và kết thúc đông kết, độ ổn định thể tích, hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 6017:2015
4	Xác định giới hạn bền uốn và nén của xi măng	TCVN6016:2011; TCVN9488:2012; TCVN 5691:2021
II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
1	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022
2	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106:2022
3	Xác định độ cứng VEBE của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3107:2022
4	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3105:2022
5	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022
6	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993
7	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng của bê tông	TCVN 3112:2022
8	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022
9	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022
10	Xác định độ chống thấm nước của bê tông - Phương pháp vết thấm	TCVN 3116:2022
11	Xác định cường độ nén và cường độ mẫu khoan cắt của bê tông	TCVN 3118:2022 TCVN 12252: 2020
12	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn của bê tông	TCVN 3119:2022
13	Xác định cường độ chịu kéo khi bẻ của bê tông	TCVN 3120:2022
14	Xác định cường độ lăng trụ, mô đun đàn hồi và hệ số poisson của bê tông	TCVN 5726:2022
III	CÁT, ĐÁ, CÁP PHỐI ĐÁ DẪM (SỎI), CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	

1	Xác định thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2:06
2	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:06
3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
4	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
5	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06
6	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
7	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
8	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
9	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
10	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
11	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
12	Xác định hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
13	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06
14	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06
15	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06
16	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419; AASHTO T176
17	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	Theo Quyết định 778/1998/QĐ-BXD
IV	VỮA XÂY DỰNG	
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121:2022
2	Xác định độ lưu động của vữa tươi (Phương pháp bàn dẫn)	
3	Xác định khối lượng thể của vữa tươi	
4	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	
5	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	
6	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đóng rắn	

7	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đông rắn	
8	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	
9	Thiết kế thành phần cấp phối vữa xây dựng	TCVN 4459:1987
V	BÊ TÔNG NHỰA	
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860:2011
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết suất sử dụng máy ly tâm	
3	Xác định thành phần hạt cốt liệu	
4	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	
5	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	
6	Xác định độ chảy nhựa	
7	Xác định góc cạnh của cát	
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	
9	Xác định độ rỗng dư	
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	
13	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông nhựa	TCVN 8820:2011
VI	NHỰA ĐƯỜNG ĐẶC (BITUM)	
1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
2	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
3	Xác định độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:2005
4	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005
5	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005
6	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 7501:2005
7	Xác định độ bám dính đối với đá	TCVN 7504:2005
8	Chỉ số độ kim lún PI	TCVN 7495:2005; TCVN 13567-1:2022
9	Phương pháp xác định độ đàn hồi	TCVN11194:2017
10	Phương pháp xác định độ ổn định lưu trữ	TCVN11194:2017
VII	NHỰA ĐƯỜNG LỎNG	
1	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
2	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
3	Thí nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011
VIII	NHỰ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXIT	
1	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
2	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011
3	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
4	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011

5	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
6	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:2011
7	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
8	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011
9	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011
10	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
11	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
12	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
IX	BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
1	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884:2020
2	Xác định độ ẩm	
3	Xác định hệ số thích nước	
4	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8735:2012
5	Chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012
X	CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ DẪM TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM	
1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
3	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy, chỉ số dẻo IP	TCVN 4197:2012
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995
6	Xác định tính nén lún trong điều kiện nở hông	TCVN 4200:2012
7	Xác định độ đầm chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
8	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
9	Đầm nén Proctor	TCVN 17290:2020
10	Thí nghiệm sức chịu tải của đất, cấp phối đá dăm (CBR) trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
11	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012
12	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
13	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012
XI	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU (ĐẤT, ĐÁ, CÁT) GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH	
1	Đầm nén chặt đất gia cố bằng chất kết dính; Xác định cường độ kháng ép đất gia cố bằng chất kết dính; Xác định mô đun biến dạng đất gia cố bằng chất kết dính	22TCN 59:1984 TCVN 13598-2:2022
2	Xác định cường độ ép chặt của VL hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
3	Modul đàn hồi vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ	TCVN 9843:2013
XII	THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY	
1	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
2	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
3	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009

4	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
6	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
7	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009
8	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009
XIII	THỬ NGHIỆM NGÓI ĐẤT SÉT NUNG	
1	Xác định kích thước, Xác định lực uốn gãy, Xác định độ thấm nước, Xác định độ hút nước và khối lượng một mét vuông ở trạng thái bão hòa nước	TCVN 4313:2023
XIV	THỬ NGHIỆM GẠCH GỖM ÓP, LÁT	
1	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016
2	Xác định độ hút nước, Độ xốp biểu kiến, Khối lượng riêng tương đối và Khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016
3	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016
4	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016
5	Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016
XV	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ nén, Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999
XVI	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG	
1	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, Xác định độ rỗng, Xác định cường độ chịu nén, Xác định độ thấm nước, Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
XVII	THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZO	
1	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước, Xác định độ hút nước bề mặt, Xác định độ chịu mài mòn sâu, bề mặt, Xác định hệ số ma sát, Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013
XVIII	THỬ NGHIỆM ĐÁ ÓP, LÁT TỰ NHIÊN	
1	Xác định khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước, Xác định độ hút nước và khối lượng thể tích, Xác định độ bền uốn, Xác định độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016
XIX	THỬ NGHIỆM ĐÁ ÓP, LÁT NHÂN TẠO	
1	Xác định khuyết tật ngoại quan, hình dạng và kích thước, Xác định cường độ nén và khối lượng thể tích khô, Xác định độ co khô	TCVN 7959:2011
XX	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC)	
1	Xác định khuyết tật ngoại quan, hình dạng và kích thước, Xác định cường độ nén và khối lượng thể tích khô, Xác định độ co khô	TCVN 7959:2011

XXI	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP	
1	Xác định khuyết tật ngoại quan, hình dạng và kích thước, Xác định cường độ nén và khối lượng thể tích khô, Xác định độ co khô	TCVN 9030:2011 TCVN 12868:2020
XXII	THỬ NGHIỆM KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
1	Vật liệu kim loại - Thử kéo	TCVN 197-1:2014
2	Vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 198:2008
3	Vật liệu kim loại - Ống - Thử kéo	TCVN 314:2008
4	Vật liệu kim loại - Ống (Mặt cắt ngang nguyên) - Thử uốn	TCVN 5891:2008
5	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực - Thanh, dảnh và dây dùng làm cốt: Thử kéo; Thử uốn	TCVN 7937-1:2013
6	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực - Lưới hàn: Thử kéo; Thử uốn	TCVN 7937-2:2013
7	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010
8	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
9	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại – Thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy	TCVN 8311:2010
10	Bu lông, đai ốc: Kiểm tra dạng ngoài, Kiểm tra khuyết tật bề mặt, Kiểm tra kích thước, Thử kéo	TCVN 1916:1995
XXIII	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
1	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của vật liệu (đất, đất gia cố, đá gia cố, cấp phối đá dăm, cấp phối thiên nhiên bằng phương pháp phễu rót cát	22 TCN 346-2006
2	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020
3	Đất xây dựng công trình thủy lợi: Phương pháp xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất	TCVN 8728:2012 TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012
4	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
5	Mặt đường ô tô - Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0m	TCVN 8864 : 2011
6	Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866 : 2011
7	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867 : 2011
8	Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy - Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp	TCVN 9335: 2012

	máy đo siêu âm và súng bật nảy	
9	Bê tông nặng – Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
10	Bê tông - Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén	TCVN 13536 : 2022
11	Bê tông – Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TCVN 13537 : 2022
12	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan	TCVN 12252:2020; TCXDVN 239:2006, TCVN 10303:2014
13	Xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
14	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (Thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012
15	Cọc khoan nhồi - Xác định tính đồng nhất của bê tông - Phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012
16	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821 : 2011
17	Trắc địa trong công trình xây dựng	TCVN 9398:2012
18	Kiểm tra các mối hàn bằng siêu âm	TCVN 165:1988 TCVN 1548:1987 TCVN 6735:2018
19	Đo kiểm tra điện trở nối đất, chống sét	TCVN 9385:2012
20	Thử áp lực nước trong ống - phương pháp bơm tay; chạy điện	TCVN 7972:2008

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng./.